

Số: 54/EIFMC/2021

V/v: Báo cáo hoạt động Quỹ ENF

-----***-----
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/10/2021

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (Quý III Năm 2021)

(Theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu:

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

2. Hiệu quả hoạt động:

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã tăng 32,09% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chiến lược đầu tư:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược phân bổ và cơ cấu tài sản một cách năng động để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn vốn và tận dụng tăng trưởng giá trị quỹ khi có cơ hội. Cụ thể, việc phân bổ tài sản của Quỹ được thực hiện như sau:

Loại tài sản	Tỷ lệ phân bổ
Cổ phiếu	từ 0 – 100%
Trái phiếu	từ 0 – 100%
Tiền và công cụ tiền tệ	0 – 49%

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

5. Thời điểm bắt đầu hoạt động:

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014.

6. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021:

• Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:	6.812.792,44	chứng chỉ quỹ
• Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá:	68.127.924.400	đồng
• Tổng giá trị tài sản ròng:	209.013.714.306	đồng

7. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung trong tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

8. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	30/09/2021	30/09/2020	30/09/2019
Tiền và các khoản tương đương tiền	19,04%	27,82%	19,05%
Các khoản đầu tư	80,62%	71,65%	78,65%
Các khoản phải thu	0,34%	0,53%	2,30%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/09/2021	30/09/2020	30/09/2019
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	209.013.714.306	140.908.719.213	150.212.977.992
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ-CCQ)	6.812.792,44	6.784.583,68	7.322.089,75
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ (VND)	30.680	20.769	20.515
2.4. Giá trị tài sản ròng/CCQ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND)	31.148	20.769	20.515
2.5. Giá trị tài sản ròng/CCQ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND)	29.491	18.938	19.082
2.9. Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/CCQ so với cùng kỳ năm trước (%)	47,72	1,24	3,65

2.13. Chi phí hoạt động của quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	2,00	2,35	2,40
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	40,96	23,59	28,65

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm
- 1 năm	47,72%	47,72%
- 3 năm	55,01%	15,72%
- 5 năm	110,34%	9,16%
- Từ khi thành lập	206,80%	16,07%

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	30/09/2021 (%)	30/09/2020 (%)	30/09/2019 (%)	30/09/2018 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	47,72%	1,24%	3,65%	12,45%

III. Mô tả thị trường

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 3 năm 2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước và là mức giảm sâu trong nhiều năm trở lại đây. Các biện pháp giãn cách xã hội kéo dài từ tháng 7 tại các trung tâm công nghiệp, kinh tế ở phía Nam đã tác động đến tăng trưởng kinh tế cả nước trong quý 3 năm 2021. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,04%, khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%, khu vực dịch vụ giảm 9,28%. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, kinh tế trong nước tăng trưởng 1,42%. Đây là mức tăng thấp hơn so với tốc độ tăng 2,12% của 9 tháng đầu năm 2020.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 9 năm 2021 của Việt Nam giảm xuống mức 40,2 điểm từ mức 44,1 điểm trong tháng 6 năm 2021. Đợt bùng phát dịch lần thứ 4 với những biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế đi lại dẫn đến tạm thời đóng cửa một số doanh nghiệp và những khó khăn trong khâu vận tải khiến sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm.

Các đợt tái bùng phát dịch tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình giải ngân vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam. Giải ngân vốn FDI trong tháng 9 đạt 1,7 tỷ USD, nâng tổng vốn FDI thực hiện trong 9 tháng đầu năm ước đạt 13,28 tỷ USD, giảm nhẹ 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó lĩnh vực chế biến, chế tạo tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 58,8% tổng vốn giải ngân FDI của cả nước.

Lạm phát bình quân 9 tháng đầu năm 2021 tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2020 và vẫn duy trì ổn định dưới mức lạm phát mục tiêu 4,0% cho năm 2021. Lạm phát tháng 9 giảm 0,62% so với tháng trước, và tăng 2,06% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm, Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) đã điều chỉnh giảm mức lãi suất điều hành 3 lần với tổng mức giảm khoảng từ 1,5% đến 2,0%, để hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh.

Trong quý 3 năm 2021, chỉ số VNINDEX của thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm 4,7% trong bối cảnh nền kinh tế bị tác động mạnh bởi các biện pháp giãn cách xã hội nhằm kiểm soát sự lây lan của dịch bệnh. Tình hình hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng đáng kể trong thời gian giãn cách của quý 3.2021, đặc biệt là các tỉnh thành ở phía Nam, tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư và dòng tiền trên thị trường chứng khoán. Tính chung 9 tháng đầu năm, chỉ số VNINDEX vẫn duy trì được mức tăng trưởng tích cực là 21,6% và là một trong những thị trường chứng khoán có mức tăng tốt trong khu vực.

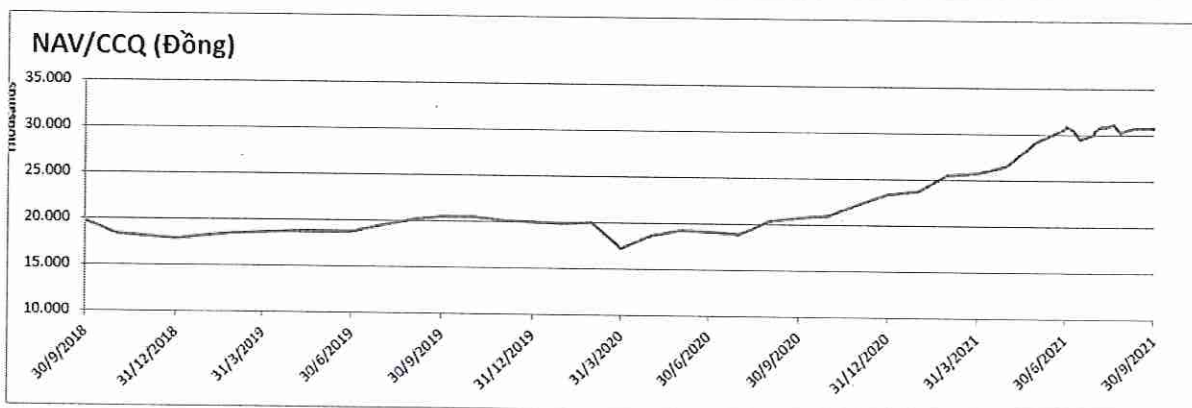
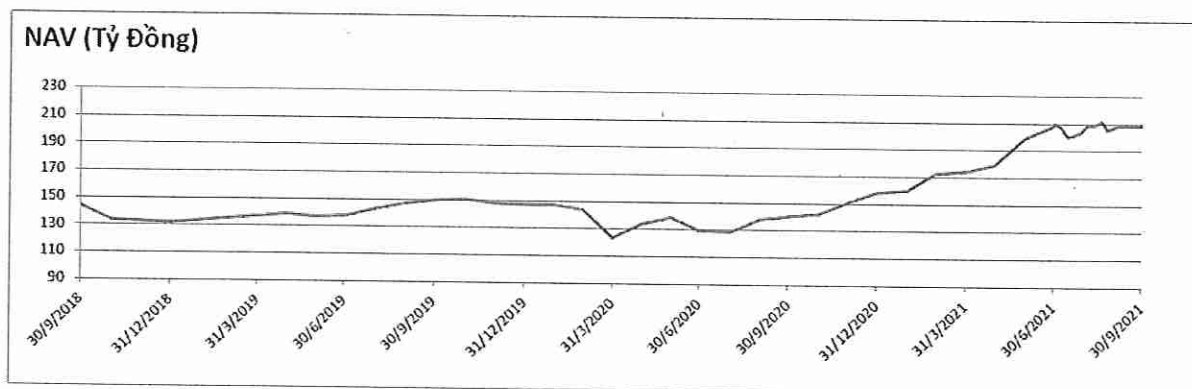
Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bloomberg. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

So với thời điểm thành lập quỹ, Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng của quỹ trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 30/9/2021 đã tăng tương ứng 292,86% và 206,80%

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



Thay đổi Giá trị Tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/09/2021	30/09/2020	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	$3 = \frac{(1)-(2)}{(2)}$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	209.013.714.306	140.908.719.213	48,33%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	30.680	20.769	47,72%

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo (30/09/2021)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5000	135	88.309,41	1,30%
Từ 5000 - 10.000	6	41.267,63	0,61%
Từ 10.000 đến 50.000	15	275.325,33	4,04%
Từ 50.000 đến 500.000	2	147.193,28	2,16%
Từ 500.000 trở lên	2	6.260.696,79	91,90%
Tổng cộng	160	6.812.792,44	100,00%

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Bức tranh tăng trưởng kinh tế được dự báo sẽ hồi phục một phần trong quý 4 theo hướng thích ứng an toàn và bình thường mới. Các trung tâm công nghiệp, kinh tế ở phía Nam đã từng bước khôi phục hoạt động kinh tế từ đầu quý 4 khi tình hình dịch bệnh đang dần được kiểm soát. Việc tiêm vaccine phòng dịch Covid-19 được triển khai ở nhiều tỉnh thành, cùng với chính sách hỗ trợ của Chính phủ sẽ góp phần đẩy nhanh quá trình mở cửa nền kinh tế. Hoạt động thương mại toàn cầu được cải thiện sẽ hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Dòng vốn FDI vào Việt Nam được dự báo khả quan hơn trong thời gian tới. Hoạt động đẩy mạnh giải ngân đầu tư cơ sở hạ tầng trong quý 4 cũng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Áp lực lạm phát trong những tháng cuối năm được dự đoán sẽ cao hơn. Tuy nhiên lạm phát trung bình cả năm được kỳ vọng vẫn thấp hơn mức lạm phát mục tiêu, giúp Ngân hàng nhà nước duy trì lãi suất điều hành mức ổn định, hỗ trợ quá trình phục hồi nền kinh tế.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong dài hạn được dự báo sẽ vẫn khả quan khi triển vọng kinh tế vĩ mô dài hạn tích cực và thị trường chứng khoán tiếp tục phát triển cả về chất và lượng. Dòng tiền vào thị trường được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức tích cực trong bối cảnh lãi suất thấp và tiềm năng nâng hạng của thị trường chứng khoán Việt Nam trong các năm tới. Tuy nhiên, trong ngắn hạn thị trường chứng khoán vẫn đối mặt với các rủi ro và biến động ngày càng gia tăng từ cả trong và ngoài nước, đặc biệt là trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát trở lại trong nước đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, làm đứt gãy chuỗi cung ứng và sụt giảm tiêu dùng. Hiện nay các hoạt động kinh tế đang từng bước được khôi phục sẽ giúp cải thiện tình hình của các doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế nói chung, từ đó kỳ vọng sẽ tác động tốt đến thị trường chứng khoán.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Tại ngày 30/9/2021, danh sách Ban đại diện quỹ, Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ, và nhân sự điều hành quỹ bao gồm:

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty quản lý Quỹ/Quỹ
Đinh Bá Thành	Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Kiến trúc	2014
Lê Văn Bé	Thành viên Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Kinh tế	2014
Đặng Thế Đức	Thành viên Ban Đại Diện Quỹ	Cử nhân Luật	2014
Ngô Thế Triệu	Tổng Giám đốc	- Cử nhân Kinh tế, Tài chính Doanh nghiệp và Kinh tế Đối ngoại.	2007



Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty quản lý Quỹ/Quỹ
		- Thạc sĩ Quản trị Dự án Quốc tế và Quản trị Kinh doanh. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	
Trần Thập Kiều Quân	Trưởng Bộ phận Đầu tư Trái phiếu	- Cử nhân Kinh tế - Tài chính Ngân hàng. - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	2006
Nguyễn Thị Bích Thảo	Trưởng Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu	- Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Thạc sĩ Tài chính Quốc tế. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	2010

2. Thông tin khác

Các số liệu trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chi tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.



Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc